

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 390/STNMT-BVMT ngày 13/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (Mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 70/TTr-SNNMT ngày 22/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa, thực hiện tại xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa: Có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa, Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa)

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (Mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa) (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa.

- Địa điểm thực hiện: xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa.

+ Người đại diện: Lê Đình Bình.

+ Chức vụ: Giám đốc Ban.

+ Địa chỉ: Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi dự án

Khu đất thực hiện dự án tại thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2.2. Quy mô, công suất dự án

Dự án Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa có diện tích là 45.307,46 m², trong đó:

- Quy mô sử dụng đất:

+ Đất ở chia lô mới: 168 lô, diện tích 21.682,50m², chiếm tỷ lệ 47,86%

+ Đất giao thông, HTKT 18491,44m², chiếm 40,81%.

+ Đất hành lang kỹ thuật 922,07 m², chiếm 2,04%.

+ Đất cây xanh công cộng 3241,45 m², chiếm 7,15%.

+ Đất bãi đỗ xe 970 m², chiếm 2,14%.

- Quy mô dân số: 168 hộ gia đình, dân số khoảng 670 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Giải phóng mặt bằng: Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 41.850m².

- San nền: Nền chủ yếu là nền đắp, hướng dốc san nền phù hợp với tiêu thoát nước mưa. Hướng dốc và lưu vực thoát nước là hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Cao độ khống chế về cơ bản là tuân thủ theo quy hoạch chung được phê duyệt. Độ dốc san nền trung bình 0,3%.

+ Cao độ san nền cao nhất: +4,9m.

+ Cao độ san nền thấp nhất: +4,3m.

- Xây dựng đường giao thông gồm 05 tuyến đường có tổng chiều dài L= 1.333,39 m (Tuyến 1: chiều dài L= 111,74m; tuyến 2: chiều dài L=486,32m; tuyến 3: chiều dài L=117,93m; tuyến 4: chiều dài L=116,75m; tuyến 5: chiều dài L=500,65m).

- Hạng mục cấp thoát nước: Mạng cấp nước là mạng vòng kết hợp nhánh cắt, mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D63--D110, nguồn nước cấp cho khu dân cư được lấy từ Nhà máy nước sạch xã Hoàng Xuân, huyện Hoàng Hóa.

- Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được thiết kế đi riêng; hướng thoát nước chính của khu vực từ phía Nam lên phía Bắc, thoát ra mương tiêu hiện trạng dọc đường ĐH.HH03 phía Bắc.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: Thiết kế xây dựng mới 01 trạm biến áp công suất 400kVA - 22/0,4kV; đường dây hạ thế, điện chiếu sáng đi dọc vỉa hè các tuyến đường giao thông, cấp điện cho dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 41.850m², là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công

Hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp nền đường, mặt đường, thi công cống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng. Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung... tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực, dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành

Các hoạt động sinh hoạt của Nhân dân trong khu dân cư phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt... tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 2,75 m³/ngày (bao gồm nước rửa tay chân 1,825 m³/ngày; nước nhà vệ sinh 0,775m³/ngày, nước thải nhà bếp 0,15m³/ngày). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa bồn trộn bê tông có khoảng 1,0 m³/ngày, nước thải vệ sinh thiết bị khoảng 4,3m³/ngày, chứa nhiều cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 0,0313m³/s. thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải (CO, SO₂, NO₂) từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe.

- Bụi và khí thải (CO, SO₂, NO₂) từ hoạt động đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, vệ sinh móng đường cấp phối, tưới nhựa dính bám; bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO.

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 17,5 kg/ngày, chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng: Đất bóc bề mặt từ đất trồng lúa của dự án là 8.370m³; khối lượng đất đào không thích hợp là 6.151,2m³; bao bì xi măng 1,628 tấn; chất thải rắn xây dựng vật liệu rời như cát, đá dăm... 253,3 tấn; mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, gạch vỡ... 32,93 tấn.

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 3,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại: 30 lít/quá trình thi công.

3.1.5. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng $0,0291\text{m}^3/\text{s}$; thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt là $67\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ gồm nước thải tắm, rửa tay, giặt $33,5\text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) $13,4\text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải ăn uống $20,1\text{ m}^3/\text{ngày}$), thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, dầu mỡ...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO_2 , SO_2 , CO ,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

Chất thải sinh hoạt của các hộ dân khoảng $603\text{kg}/\text{ngày.đêm}$; trong đó: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: $120,6\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$; chất thải thực phẩm là $422,1\text{kg}/\text{ngày.đêm}$; chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải tro) khối lượng là $54,27\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$.

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng $6,03\text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm thời khoảng cách giữa các hố gas $30\text{m}/\text{hố gas}$; kích thước sâu x rộng = $0,4 \times 0,4(\text{m})$; hố gas tạm có kích thước $D \times R \times C = 1,0 \times 1,0 \times 1,0(\text{m})$.

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân lưu lượng $1,825\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý trong bể lắng $5,0\text{ m}^3$ (dùng chung với bể xử lý nước thải vệ sinh thiết bị, kích thước: dài x rộng x sâu: $2,5\text{m} \times 2\text{m} \times 1\text{m}$, lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE), sau đó thoát ra mương thoát nước chung khu vực phía Bắc dự án.

- Nước thải vệ sinh $0,775\text{m}^3/\text{ngày}$: xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động, thể tích 500 lít/nhà (đơn vị thi công thuê và đặt tại khu lán trại); hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 2 lần/ngày) bằng xe chuyên dụng.

- Nước thải ăn uống lưu lượng $0,15\text{m}^3/\text{ngày}$: thu gom và xử lý sơ bộ trong bể tách dầu mỡ có kích thước $D \times R \times C = 1,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 0,5\text{m}$ thể tích $0,5\text{m}^3$ (lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE). Nước thải sau xử lý thoát ra mương thoát nước chung khu vực phía Bắc dự án.

- Nước thải rửa xe và nước rửa dụng cụ thi công: thu gom và xử lý sơ bộ trong bể lắng có thể tích $5,0\text{ m}^3$, kích thước $D \times R \times C = 2,5\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,0\text{m}$ (lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE), sau đó thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Bắc dự án.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian cho công nhân nghỉ ngơi hợp lý.

- Thực hiện phát quang đến đâu, vận chuyển đưa đi đổ thải đến đó để tránh phát tán bụi và mùi gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày (từ 7h-8h, từ 11h-12h, từ 16h30-17h30); bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận, đường bê tông ĐH.HH03 vào dự án với chiều dài 500m tính từ cổng khu vực dự án về 2 phía. Dùng xe téc 5m^3 , phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lớp xe trước ra khỏi công trường.

4.1.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 20 lít (02 thùng); Đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với đất mặt bóc từ đất trồng lúa có khối lượng 8.370m^3 . Một phần sử dụng trồng cây xanh trong khuôn viên dự án với diện tích là $3241,45\text{m}^2$. Phần mặt còn lại, sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo phương án đã được UBND huyện Hoàng Hóa chấp thuận tại Công văn số 06/UBND-NN&PTNT ngày 02/01/2025.

+ Đối với đất đào không thích hợp có khối lượng 6.151,2m³, tận dụng san vào các lô đất trong khuôn viên dự án.

+ Chất thải rắn xây dựng cát, đá rơi vãi khối lượng 253,3 tấn: thu gom sau mỗi ca làm việc và tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án.

+ Các mẫu sắt thừa, bìa catton, ván khuôn...khối lượng 32,93 tấn, bao bì xi măng khối lượng 1,628 tấn: thu gom tái sử dụng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 01 thùng chuyên dụng 100 lít/thùng để thu gom chất thải rắn nguy hại và 1 thùng 100lít để thu gom chất thải lỏng nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và đặt trong nhà kho trong khu vực lán trại.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng.

4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường; máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Đường vận chuyển vật liệu xây dựng vào tuyến qua khu dân cư và các khu vực nhạy cảm sẽ yêu cầu đơn vị thi công không vận chuyển vào thời gian cao điểm, ban đêm để tránh gây ồn ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân.

- Trang bị nội quy về an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc ở các nơi tập trung công nhân, khu vực đông người qua lại; điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tai nạn lao động, tai nạn giao thông:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công theo quy định; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

+ Phương tiện vận chuyển sử dụng đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật tuân thủ theo đúng tuyến đường vận chuyển đã được phê duyệt; quá trình tập kết nguyên vật liệu tránh tập trung vào một thời điểm.

+ Trong điều kiện trời mưa lớn đơn vị thi công cần dừng toàn bộ quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân như máy móc, thiết bị.

+ Lắp đặt biển báo công trường đang thi công tại những nơi phù hợp, dễ quan sát.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố cháy nổ: Lắp đặt biển báo hiệu nguy hiểm tại khu vực kho chứa nhiên liệu dễ cháy nổ và đặt biển cấm lửa; trang bị 04 bình bột chữa cháy (bình CO₂), máy bơm nước (công suất 5m³/h) và vòi phun tại khu vực lán trại công nhân để đề phòng khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất lúa: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

- Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa theo thiết kế. Theo đó, nước mưa được thu gom bằng cống D300, D600, D800 đầu nối vào cống ngầm B1000 dọc đường tiếp giáp phía Bắc dự án. Trên hệ thống thu gom sử dụng giếng thu trực tiếp (KT: 1mx1mx0,8m) thiết kế ở hai bên tuyến đường, khoảng cách trung bình 30m/giếng.

- UBND xã Hoàng Giang có trách nhiệm: Yêu cầu các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

- Các hộ gia đình trong khu dân cư khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp và đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư theo thiết kế.

b) Nước thải sinh hoạt

- Chủ đầu tư có trách nhiệm:

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải (mương thoát nước thải bằng cống D300), đặt sẵn các vị trí chờ đầu nối tại mỗi hộ gia đình để các hộ gia đình đầu nối nước thải về hệ thống thu gom nước thải chung của dự án và dẫn về bể xử lý nước thải tập trung đặt ngầm trong khuôn viên cây xanh trung tâm dự án.

+ Yêu cầu các hộ gia đình xây dựng hệ thống thoát nước thải, bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ để xử lý trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải trong khu dân cư.

+ Xây dựng HTXLNT tập trung tổng công suất $67\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, gồm 2 Modul hợp khối đúc sẵn bằng vật liệu Composite (Bể Bastafat-F). Giai đoạn đầu chủ dự án lắp đặt 1 Modul công suất $37\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ thi công cùng các hạng mục HTKT khác. Sau khi KDC được lấp đầy 50% trở lên, chủ dự án đầu tư thêm 1 Modul công suất $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để đảm bảo xử lý hết nước thải của KDC đạt tiêu chuẩn. Nước thải sau xử lý thải ra hệ thống thoát nước D300 của KDC dẫn về mương tiêu hiện trạng phía Bắc tiếp giáp dự án. Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3°): $X = 2201208.32$ (m); $Y = 581817.38$ (m).

Khi UBND xã Hoàng Phượng xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung tại khu vực Mau Mè thôn Vĩnh Gia 2 với diện tích 0,20ha. (theo Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt quy hoạch chung xã Hoàng Phượng đến năm 2030), dùng HTXLNT tại chỗ và đầu nối nước thải của KDC Phượng Mao về Trạm XLNT của xã để xử lý.

- UBND xã Hoàng Giang: sau khi được bàn giao hạ tầng dự án có trách nhiệm quản lý hạ tầng kỹ thuật; định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom thoát nước thải đảm bảo vận hành ổn định, liên tục.

- Các hộ gia đình trong khu dân cư có trách nhiệm xây dựng bể tự hoại, lắp đặt thiết bị tách dầu mỡ để xử lý nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do Chủ đầu tư xây dựng.

4.2.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Chủ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo đúng thiết kế; Trồng cây xanh với mật độ đảm bảo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- UBND xã Hoàng Giang có trách nhiệm ban hành quy chế vệ sinh công cộng trong khu dân cư; tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, khu dân cư định kỳ tổng vệ sinh khu vực.

- Các hộ gia đình trong khu dân cư chủ động vệ sinh hàng ngày, trồng cây xanh trong khuôn viên khu đất; khuyến khích hộ dân lắp đặt hệ thống hút mùi tại khu vực nhà bếp; bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể xử lý nước thải sinh hoạt.

4.2.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng khu vực tập kết chất thải tạm thời diện tích 10m^2 tại khuôn viên cây xanh góc phía Bắc dự án gần khu vực quy hoạch Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Khu vực tập kết có mái che và hệ thống rãnh thu gom, hố gas thu nước rỉ (dẫn về hệ thống thoát nước thải trung).

- UBND xã Hoàng Giang: Ban hành quy chế vệ sinh công cộng trong khu dân cư; tăng cường tuyên truyền người dân phân loại rác thải; trang bị 01 xe chứa rác đẩy tay có dung tích $0,5\text{m}^3$ đặt tại điểm tập kết; trang bị thùng đựng rác

loại 120 lít có nắp đậy để phân loại rác thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải, hút bùn thải từ bể tự hoại, nạo vét mương rãnh định kỳ theo quy định.

Trang bị thiết bị thu gom chất thải tro đặt tại các Tuyến số 1, Tuyến số 2, Tuyến số 3, Tuyến số 4, Tuyến 5 trong khu dân cư để người dân phân loại, bỏ rác vào thùng đúng quy định.

- Các hộ gia đình có trách nhiệm phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt; thu gom, tập kết chất thải sinh hoạt về vị trí tập kết theo quy định; chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật; tuân thủ quy chế chung và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

4.2.4. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại

- UBND xã Hoàng Giang: Bố trí thùng chứa dung tích 120 lít có nắp đậy, dán nhãn mác đặt tại nhà văn hóa thôn Phụng Mao để thu gom, lưu giữ CTNH từ hoạt động của các gia đình.

- Trách nhiệm của các hộ dân: Chủ động thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh tại gia đình, bỏ vào các thùng rác đã được UBND xã Hoàng Giang bố trí tại nhà văn hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi

trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và các quy chuẩn hiện hành khác, yêu cầu của địa phương về bảo vệ môi trường.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hồi, hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.